

THÔNGIỆP GIÁO DỤC CỦA ĐỨC PHẬT

Diệu Hương

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 10 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Nền giáo dục của Đức Phật đứng trên lập trường nhân bản, nêu cao tinh thần tự giác của con người, đó là vấn đề chủ yếu giúp con người đánh thức trí tuệ của mình, biết điều hành được cuộc sống tâm lý và vật lý của chính mình để đạt đến giải thoát và giác ngộ, biết hướng con người thích ứng với môi trường sống trong xã hội tiến bộ, biết sáng suốt nhìn và biết sống như thế nào để đem lại hạnh phúc cho chính mình và cộng đồng xã hội...

Giáo dục là một trong những yếu tố quan trọng nhất có thể diệt trừ sự dốt nát, những thành kiến vốn là những nguyên nhân tạo nên những mâu thuẫn xung đột. Xung đột chính nội tại của cá nhân đó, xung đột giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với môi trường, cá nhân với xã hội; hay nói rộng hơn là xung đột giữa một tập thể này với một tập thể khác, giữa tôn giáo này với tôn giáo khác hay quốc gia này với quốc gia khác. Nhưng suy cho cùng cũng là mâu thuẫn của con người trong chính sự vận hành của mình. Chính vì vậy điều kiện tiên quyết để giải quyết những mâu thuẫn này, để đạt được sự bình an nội tại, giải thoát mọi khổ đau vẫn chính con người phải tự biết mình.

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni sau khi trải qua kinh nghiệm năm năm tìm thầy học đạo, sáu năm dài dằng dẳng khổ hạnh để cuối cùng dưới cội bồ đề rậm lá bên dòng sông Ni-liên-thuyền xanh mát, chính tự Ngài đã thực chứng được con đường "trung đạo" hay còn gọi là định lý duyên khởi. Bức màn định lý duyên khởi đã được Ngài vén lên để đánh thức nhân loại ra khỏi giấc mơ trói buộc của tham ái và chấp thủ, đánh thức nhân loại phải tự biết mình là "chủ nhân ông của nghiệp và thừa tự nghiệp," là chủ nhân ông của mớ tích mười hai khoen nhân duyên và cũng sẽ là thừa tự hậu quả của mười hai nhân duyên đó.

Do vô minh mà có hành.

Do hành mà có thức.
Do thức mà có danh sắc.
Do danh sắc mà có lục nhập.
Do lục nhập mà có xúc.
Do xúc mà có thọ.
Do thọ mà có ái.
Do ái mà có thủ.
Do thủ mà có hữu.
Do hữu mà có sanh.
Do sanh mà có lão tử, sầu bi khổ ưu não ...

Chính tự mình đã tạo vô minh để rồi đưa đến sanh lão bệnh tử ... thì cũng chính tự mình mới là người cởi bỏ những móc xích của mười hai nhân duyên đó.

Do vô minh diệt nên hành diệt
Do hành diệt nên thức diệt.
Do thức diệt nên danh sắc diệt.
Do danh sắc diệt nên lục nhập diệt.
Do lục nhập diệt nên xúc diệt.
Do xúc diệt nên thọ diệt.
Do thọ diệt nên ái diệt.
Do ái diệt nên thủ diệt.
Do thủ diệt nên hữu diệt.
Do hữu diệt nên sanh diệt.
Do sanh diệt nên lão tử, sầu bi khổ ưu não ... diệt.
Tóm gọn lại, công thức này còn được định hình trong bốn câu:

"Do cái này sanh nên cái kia sanh,
Do cái này có nên cái kia có.
Do cái này diệt nên cái kia diệt,
Do cái này không nên cái kia không." [1]
Nghĩa là mấu chốt đưa đến sanh tử đã được Đức Phật thực chứng và Ngài đã sung sướng thốt lên:

"Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi! Hỡi kẻ làm nhà! Nay Ta đã gặp ngươi rồi. Ngươi không được làm nhà nữa! Bao nhiêu rui mè của ngươi đều gãy cả rồi, kèo cột của ngươi đã tan vụn cả rồi. Trí ta đã đạt đến vô thương Niết bàn, bao nhiêu đục vọng đều dứt sạch cả." [2]

Chân lý Duyên sanh là tiếng nói của bậc tuệ giác vĩ đại, chưa từng có trong hệ thống lịch sử tôn giáo và triết học cổ truyền bấy giờ. Chân lý duyên khởi này đã đánh tan thành kiến cố chấp thần linh của giai cấp bà la môn lúc bấy giờ, đã thực sự làm rung chuyển các tôn giáo lớn của Ấn Độ cổ đại đã chủ trương rằng con người và mọi hiện hữu trên thế gian này là những tạo vật của Thượng đế, của Phạm thiên, của đấng toàn năng vô hạn, của một bản thể đại ngã ... và con người phải chịu sự chi phối thưởng phạt của những thế lực siêu nhiên vô hình nào đó. Ngược lại bằng giáo lý duyên khởi, Đức Phật chủ trương con người là chủ nhân của tất cả thừa tự nghiệp, là chủ nhân kết lên 12 khoen nhân duyên và cũng sẽ là người tháo gỡ 12 khoen sanh tử đó. Nghĩa là con người tự tạo những mâu thuẫn xung đột sát-na tâm sanh diệt chính trong cá nhân mình và môi trường bên ngoài thì cũng chính con người phải là người tự diệt nó đi.

Trong kinh tạng, nhiều chỗ Đức Phật đã không bao giờ thừa nhận mình là vị thần linh hay đấng siêu nhân tối thượng cầm quyền trừng phạt hay ban ân giải thoát cho bất cứ ai. Ngài cũng là một con người bình thường bằng xương bằng thịt như chúng ta, một con người có thật trong lịch sử nhân loại. Cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Hoàng hậu Maya, và thái tử Sĩ-đạt-ta đã được sinh ra tại vườn Lâm-tì-ni. Thái tử đã xót xa trước cảnh đau khổ sanh già bệnh chết của kiếp người khi đi dạo bốn cửa thành. Ngài đã động lòng trắc ẩn trước cảnh giun trùng bị giày xéo trước lưới cày của con người, đã thương tâm trước cảnh nai tơ bị hổ vồ, ong ruồi sa lưới nhện, đã thương xót mang về săn sóc con chim bị trúng tên (do thái tử Đề-bà-đạt-đa bắn) cho đến khi lành mạnh thì thả cho chim tự do trên bầu trời.

Từ là ban vui, bi là cứu khổ. Ban cái vui cứu cánh và cứu cái khổ triền miên. Đó là động lực khiến Ngài từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan để tìm con đường thoát khổ cho chúng sanh. Sáu năm khổ hạnh rừng già, 49 ngày kiên trì thiền định để cuối cùng Ngài giác ngộ lý "trung đạo" đó là nội dung của bài chuyện pháp luân đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như tại Lộc uyển sau khi Đức Phật thành đạo tại cội bồ đề. Nếu con người đã nhận thức được nguồn gốc của khổ đau do tự mình trói buộc thì cũng chính con người từ gốc khổ đau đó mà xả ly cởi trói ra. Đức Phật ngài chỉ là một người chỉ đường, là người mong mọi thoát ly và làm cho mọi người cùng thoát ly. Đức Phật không phải là một con người của hư vô, không phải là một con người của kiến chấp điên đảo như Bà la môn giáo. Ngài là một con người như mọi người nhưng đã vực dậy được từ khổ đau của tự thân và muôn loài,

của tôn giáo và triết học, của cá nhân và cộng đồng xã hội, trong đó nhân tính được Đức Phật đề cao với những lời dạy: "con người và chỉ có con người mới có thể thực hiện được những hoài bão lý tưởng hướng đến Phật quả."

Chúng ta có thể gọi Đức Phật là một con người tuyệt vời trong nhân tính vì Đức Phật tuyệt đối lấy nhân tính làm cơ sở để từ đó vươn lên tầm cao của hòa thiện chính mình ngay trong đời này và những người khác theo con đường đó thì sẽ đạt được sự hoàn thiện như Đức Phật vậy. Vì lý do đó mà Đức Phật đã thường khẳng định vị trí của con người với chúng đệ tử của mình rằng: "Hãy trở về nương tựa mình và nương tựa pháp; người là hải đảo là nơi nương tựa của chính người."

Ngài luôn luôn cố gắng tinh thần tự lực của mỗi người để tìm lấy sự giải thoát cho chính mình và điều này như một sợi chỉ xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống giáo lý của Đức Phật trong 49 năm hoằng pháp lợi sanh.

"Nương tựa mình," "Người là hải đảo, là nơi nương tựa của chính người" vì chỉ chính mình mới hiểu mình hơn ai hết. Hãy quay lại với con người và tâm thức của chính mình. Còn tất cả những hình sắc âm thanh của bên ngoài, của núi sông đại địa, của con người ... đều là những ảo giác do biến kế sở chấp của tâm thức mà phát sanh.

"Nương tựa pháp" bởi chỉ có phương pháp tu tập của Đức Phật – bậc tối tôn của cuộc đời, chúng ta mới biết người thợ xây nhà đã dung 12 khoen nhân duyên của rui, mè ... để tạo thành hiện hữu kiến trúc con người. Chúng ta mới biết giới định tuệ, tứ đế, bát chánh đạo, 12 nhân duyên, tam pháp ấn... nói rộng ra là 48 ngàn pháp môn sẽ đưa chúng ta từ một con người bình thường trở thành những nhà mô phạm đạo đức thanh tịnh của cuộc đời, sẽ đem lại sự giải thoát an lạc và hạnh phúc cho chính mình và xã hội chung quanh.

Chính trong lời giáo huấn tối hậu của Đức Phật tại Câu thi la trước khi Đức Phật nhập niết bàn, Ngài đã ân cần dặn dò rằng:

"Này các Tỳ kheo, đừng nghĩ rằng sau khi ta nhập diệt các người không còn biết nương tựa vào ai. Chính giới pháp ta đã chỉ dạy các người dễ là nơi nương tựa. Các pháp hữu vi đều vô thường hãy tinh tấn lên để giải thoát." [3]

"Pháp" nghĩa là chân lý mà dù chúng ta muốn hay không thì nó vẫn như thế. Tác giả Hoàng Thượng[4] đã nói rằng " Pháp xuất hiện như chân lý, vừa mang tánh hiện thực khách quan – chân lý công ước, lâm thời và lại vừa mang tính tuyệt đối – chân lý bất khả thuyết". Pháp là một con đường quy ngưỡng về nếp sống mà ở đó vai trò của Thượng đế không có mặt. Mọi trách nhiệm về khổ đau và hạnh phúc ở đời đều do con người phán quyết. Trở về nương tựa với Pháp là trở về với trách nhiệm luân lý đạo đức, trách nhiệm trong cuộc sống tư duy và hành động, trong thể cách ứng xử giữa tự thân và tha nhân, giữa cá thể và xã hội của mỗi con người. Thế giới bao la và đời sống tâm thức thì vô tận, do đó sẽ không có bất kỳ một động lực tự nhiên hay siêu nhiên nào có thể ngự trị trong dòng sanh tử luân lưu, ngoại trừ chuỗi nhân quả gồm 12 khoen nhân duyên.

Trở về nương tựa với mình cũng có nghĩa là trở về hạt giống giác ngộ hay năng lực giác ngộ. Hạt giống Phật này tiềm ẩn, vốn có trong mỗi tâm thức chúng ta mà bấy lâu nay chúng ta như gã cùng tử nghèo túng lang thang nhiều kiếp mà không biết bảo vật châu báu nằm sẵn trong ché áo của mình. Và để được trở thành nhà tỷ phú giàu có hạnh phúc, chính chúng ta đóng vai trò trung tâm gỡ ché áo để lấy bảo vật ra. Còn Đức Phật chỉ là người chỉ cho ta phương pháp lấy châu báu trong ché áo đó như kinh Pháp cú có dạy:

"Người phải làm công việc của người,
vì Như lai chỉ chỉ dạy con đường."[5]

Hay như trong kinh Di giáo Ngài đã khẳng định: "Như người dẫn đường, chỉ dẫn đường cho mọi người, nhưng nghe rồi mà không đi thì lỗi không phải ở người dẫn đường."[6]

Đức Phật là một nhà giáo dục toàn diện, Ngài căn cứ trên tinh thần từ bi và trí tuệ để tạo điều kiện tối ưu đưa con người đến với chân lý bằng tinh thần tự giác, hướng con người quay về tự chứng nghiệm với chân lý đó. Việc giáo dục của Đức Phật dựa trên sự đánh thức tâm tư của mỗi người tự giác trở về với sự giác ngộ bản thân. Với hình thức giáo dục này Đức Phật không đưa ra một giáo điều nào bắt mọi người phải tuân thủ hay mặc khải, coi ngài như một đấng quyền năng tối thượng. Nền giáo dục của Đức Phật đứng trên lập trường nhân bản, nêu cao tinh thần tự giác của con người, đó là vấn đề chủ yếu giúp con người đánh thức trí tuệ của mình, biết điều hành được cuộc sống tâm lý và vật lý của chính mình để đạt đến giải thoát và giác ngộ, biết hướng con người thích ứng với môi trường sống trong xã hội tiến bộ, biết

sáng suốt nhìn và biết sống như thế nào để đem lại hạnh phúc cho chính mình và cộng đồng xã hội.

"Ngươi là nơi nương tựa của chính ngươi, không ai khác có thể là nơi nương tựa." [7]

"Con người là chủ nhân ông của nghiệp, là thừa tự của nghiệp."

"Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi."

Đây là thái độ giáo dục mang tính tích cực, sáng tạo, dân chủ trong tinh thần vô ngã, có giá trị xuyên suốt thời gian và không gian, có khả năng hóa giải được các căn bệnh mâu thuẫn xung đột của chính nội tại cá nhân đó, mâu thuẫn xung đột giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với môi trường, gia đình xã hội và thế giới bên ngoài.

Đó là cánh thư xanh, là bức thông điệp giáo dục vô tiền khoáng hậu của Đức Phật mà cách đây hơn 25 thế kỷ, Ngài đã gửi đến cho nhân loại chúng ta trong thiên niên kỷ mới của mùa xuân Tân Ty 2001 này.

CHÚ THÍCH

[1] Gems of Buddhism Wisdom. (The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation, Taiwan, 1996), trang 42.

[2] Kinh Pháp Cú, Thích Trí Đức dịch. Ấn Độ, 1999, câu 153-154.

[3] Kinh Di Giáo, trích Báo Giác Ngộ, số 38 tháng 5-1999, trang 28.

[4] Trong "Suy niệm từ Bức Thông Điệp của Thời đại mới...", Báo Giác Ngộ số 38 tháng 5-1999, trang 9.

[5] Dhammapada, XX 4, trích Báo Giác Ngộ, nt, trang 11.

[6] Trích Báo Giác Ngộ, số 8,9 ngày 25-5-1995 trang 15.

[7] Dhammapada, XII 4; Báo Giác Ngộ số 38, tháng 5-1999 trang 9.

---o0o---

Hết